

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2026/DS-ST
Ngày 30 - 3 - 2026
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Thu

2. Bà Trương Thị Thúy Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 222/2025/TLST - DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2026/QĐST - DS ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh).

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Kim T – Chức vụ: Trưởng PGD B. Người được ủy quyền lại: Bà Trần Quỳnh L. Địa chỉ: Số 52 đường L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.
Bà Lương có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu D, sinh ngày: 25/4/1998. Địa chỉ thường trú: Số 46 Nguyễn Văn C, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/11/8/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 22/09/2022, ông Nguyễn Hữu D có ký với Ngân hàng TMCP S – PGD B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 3717126563 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S – các tài liệu này được

gọi chung là Hợp đồng tín dụng). Căn cứ vào thu nhập của ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Đến hạn trả nợ hàng tháng nhưng ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng, nên đã vi phạm Hợp đồng (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), vì vậy Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông D và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn Nhóm 4 (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 26/11/2025, ông D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 35.346.740 đồng (Trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.564.493 đồng, lãi quá hạn là 1.782.247 đồng). Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông D có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông D vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn là ông Nguyễn Hữu D không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ngân hàng TMCP S khởi kiện và tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Hữu D phải thanh toán cho ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 30/3/2026 là 40.832.795 đồng (trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.221.863 đồng, lãi quá hạn là 3.610.932 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (31/3/2026), ông Nguyễn Hữu D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến ngày thực tế trả hết nợ.

** Tại Bản tự khai ngày 30/10/2025, bị đơn là ông Nguyễn Hữu D trình bày:*

Ông D “Thừa nhận việc ông D đã ký Hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP S như trình bày của đại diện Ngân hàng là đúng thực tế, thừa nhận dư nợ vay bao gồm nợ gốc và nợ lãi đến thời điểm ngày 26/11/2026 đúng như nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế khó khăn nên ông Duy đề nghị phương án trả nợ như sau: Vào ngày 05/3/2026 ông D sẽ tắt toán số lãi trong hạn. Mỗi tháng tiếp theo vào ngày 05 ông D sẽ trả lãi và một phần số tiền gốc là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết các tranh chấp trong vụ án nhưng không thành.

** Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi giấy triệu tập họp lệ qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu D; tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa phương. Nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm

nay bị đơn là ông Nguyễn Hữu D đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Hữu D theo khoản nợ tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 3717126563 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Hữu D. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và bị đơn là ông Nguyễn Hữu D không có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng tín dụng thể hiện “*Ông Nguyễn Hữu D cư trú tại nhà số 46, đường Nguyễn Văn C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình*”(nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Căn cứ theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu D đã trực tiếp đến Tòa án làm bản tự khai nhưng vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập hợp lệ qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu D và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa phương, nhưng ông Nguyễn Hữu D vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 ấn định thời gian xét xử lúc 07 giờ 30 phút ngày 11/3/2026. Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm ngày 11/3/2026, tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Hữu Duy vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2026/QĐST – DS và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày

30/3/2026, đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại Tổ dân phố 02 (N), phường Đ, tỉnh Quảng Trị là nơi bị đơn ông Nguyễn Hữu D cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hữu Duy.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, tài liệu chứng cứ trên cơ sở các bên cung cấp. Tại phiên tòa hôm nay không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân theo quy định là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu D trả ngay cho Ngân hàng TMCP S số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2026 là 40.832.795 đồng (trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.221.863 đồng, lãi quá hạn là 3.610.932 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (31/3/2026), ông Nguyễn Hữu D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến ngày thực tế trả hết nợ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu phía bị đơn ông Nguyễn Hữu D phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy: Phía Ngân hàng TMCP S và bị đơn ông Nguyễn Hữu Duy có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 3717126563 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng tín dụng) đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Khoản nợ Thẻ tín dụng phát sinh từ việc thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng được ký kết nêu trên do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng 2024, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bị đơn ông Nguyễn Hữu D đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng kê chi tiết lịch sử khoản vay do Ngân hàng TMCP S cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán nợ lãi nhiều lần và sau đó thì vi phạm về nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn, thu hồi thẻ tín dụng và trực tiếp làm việc với bị đơn, tại Bản tự khai ngày 30/10/2025, bị đơn là ông Nguyễn Hữu D trình bày: *“Thừa nhận việc ông D đã ký Hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP S như trình bày của đại diện Ngân hàng là đúng thực tế, thừa nhận dư nợ vay bao gồm nợ gốc và nợ lãi đến thời điểm ngày 26/11/2026 đúng như nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế khó khăn*

nên ông D đề nghị phương án trả nợ như sau: Vào ngày 05/3/2026 ông Duy sẽ tất toán số lãi trong hạn. Mỗi tháng tiếp theo vào ngày 05 ông Duy sẽ trả lãi và một phần số tiền gốc là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ”.

Nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn trốn tránh việc trả nợ, bị đơn đã vi phạm Hợp đồng đã ký kết. Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi tính phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2026 là 40.832.795 đồng (trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.221.863 đồng, lãi quá hạn là 3.610.932 đồng) là phù hợp cần chấp nhận.

[2.4]. Như vậy tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng căn cứ vào các nhận định tại [2.1], [2.2] và [2.3] nêu trên có đủ cơ sở buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu D phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 30/3/2026, là 40.832.795 đồng. (Trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.221.863 đồng, lãi quá hạn là 3.610.932 đồng); Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (31/3/2026), ông Nguyễn Hữu D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến ngày thực tế trả hết nợ.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hữu D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.832.795 đồng x 5% = 2.041.639,7 đồng (làm tròn thành: 2.041.640 đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 883.669 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002228 ngày 08/12/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng các Điều 100, 103 Luật tổ chức tín dụng 2024.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

1.1 Buộc ông Nguyễn Hữu D phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2026 là 40.832.795 đồng (bằng chữ: Bốn mươi triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm

chín mươi lăm đồng (trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.221.863 đồng, lãi quá hạn là 3.610.932 đồng).

1.2 Buộc ông Nguyễn Hữu D tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi phát sinh, lãi quá hạn, các loại phí từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thực tế trả hết nợ.

2. Về án phí:

2.1 Bị đơn ông Nguyễn Hữu D, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.041.639,7 đồng (làm tròn thành: 2.041.640 đồng).

2.2 Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 883.669 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002228 ngày 08/12/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/3/2026); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực I – Quảng Trị;
- THADS KVI – Quảng Trị;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Phú Quảng